

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách của Ủy ban Dân tộc**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các Thứ trưởng, PCN;
- Các đơn vị trực thuộc UBNDT;
- Cổng TTĐT UBNDT;
- Lưu: VT, KHTC (10b), TH (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  
**THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Phan Văn Hùng**



## **QUY ĐỊNH**

**Ban hành một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách của Ủy ban Dân tộc**

*(Kèm theo Quyết định số: ~~723~~ /QĐ-UBDT ngày 18 tháng 1 năm 2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

### **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và Công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ quản lý nhiệm vụ KH&CN của Ủy ban Dân tộc; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định về công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách của Ủy ban Dân tộc.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ



### Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc quy định một số định mức xây dựng dự toán cho Đề tài, nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách của Ủy ban Dân tộc quy mô kinh phí nhỏ hơn nhiều so với đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia cho nên trong quy định này áp dụng định mức chỉ cho các hoạt động KH&CN chiếm tỷ trọng khoảng 60% so với đề tài, nhiệm vụ cấp quốc gia (có tính đến số lẻ theo quy luật làm tròn số) so với định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

#### 2. Dự toán tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a khoản 2 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

**Tc:** Dự toán tiền công của chức danh

**Lcs:** Lương cơ sở do Nhà nước quy định

**Hsten:** Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

**Snc:** Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc Ủy ban Dân tộc

STT	Chức danh	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ			Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở		
		Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số tiền công theo ngày Hsten = (Hcd x Hkh)/22	Mức chi tối đa (nghìn đồng)	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số tiền công theo ngày Hsten = (Hcd x Hkh)/22	Mức chi tối đa (nghìn đồng)
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	5,42	0,49	600	3,99	0,20	200
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	3,66	0,26	400	3,33	0,09	100
3	Thành viên	2,86	0,15	200	2,86	0,04	50
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,66	0,12	100	2,46	0,03	30

Hệ số tiền công tại bảng trên là mức hệ số tối đa cho hoạt động KH&CN của cơ quan, đơn vị trình phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp đảm bảo không vượt quá định mức tại Bảng 1 quy định này.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Bảng 1 nêu trên.

### 3. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

#### a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 22.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 4 quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 22.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, đơn vị lập dự toán trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét, phê duyệt.

#### b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 4 quy định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ quy định tại khoản 2 Điều 4 quy định này thì đơn vị lập dự toán trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét, phê duyệt.

4. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (đồng)	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (đồng)
1	Người chủ trì	Đồng/ buổi	900.000	300.000
2	Thư ký hội thảo	Đồng/ buổi	300.000	100.000
3	Báo cáo viên trình bày hội thảo	Đồng/ báo cáo	1.000.000	300.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Đồng/ thành viên/ buổi	600.000	200.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	Đồng/ thành viên/ buổi	100.000	30.000

### Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

#### 1. Định mức chi tiền công của các Hội đồng

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (đồng)	Mức chi tối đa nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (đồng)
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&amp;CN</b>			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		600.000	200.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500.000	150.000
	Thư ký hành chính		200.000	50.000
	Đại biểu được mời tham dự		100.000	30.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200.000	50.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300.000	100.000
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&amp;CN</b>			

a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600.000	200.000
	Thư ký hành chính		200.000	50.000
	Đại biểu được mời tham dự		100.000	30.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300.000	70.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400.000	100.000
<b>3</b>	<b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&amp;CN</b>			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400.000	100.000
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300.000	70.000
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200.000	50.000
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	100.000	30.000
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&amp;CN</b>			
a	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		900.000	300.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600.000	200.000
	Thư ký hành chính		200.000	70.000
	Đại biểu được mời tham dự		100.000	30.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300.000	70.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400.000	100.000

## 2. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi tiền điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ và 10 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Các khoản chi khác với quy định tại Điều 4, Điều 5 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

## **Điều 6. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN**

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Trách nhiệm thực hiện**

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Tổng hợp chịu trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổng hợp Ủy ban Dân tộc nghiên cứu xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.